

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Nông nghiệp, nông dân và nông thôn là nội dung có tầm quan trọng đặc biệt trong sự nghiệp đổi mới của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chiến lược phát triển đất nước của Đảng cũng như các cam kết của Chính phủ trên lộ trình hội nhập kinh tế thế giới, giải quyết tốt các nội dung đặt ra đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn thực sự là chìa khoá để đạt tới sự phát triển toàn diện, bền vững.

Sau hơn 20 năm đổi mới, nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta đã đạt được những thành tựu toàn diện và to lớn. Tuy nhiên, những kết quả đạt được đó vẫn chưa xứng với tiềm năng, lợi thế và chưa đồng đều giữa các vùng. Nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở nước ta vẫn còn chứa đựng nhiều mảng yếu kém. Một trong những mảng yếu kém đó là nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Nguồn lao động Việt Nam hàng năm được bổ sung thêm nhiều nhưng, cơ hội để họ có được việc làm, ổn định đời sống lại không dễ dàng. Số lao động không chỉ được qua đào tạo chiếm một tỷ lệ rất thấp mà còn bất cập do chất lượng đào tạo kém: cơ cấu đào tạo bất hợp lý, mất cân đối giữa đào tạo nghề và đào tạo ở cấp bậc đại học, cao đẳng. Số đã qua đào tạo đối với thanh niên ở khu vực nông thôn thấp hơn nhiều so với khu vực thành thị.

Hiện nay, ở nước ta có khoảng 10 triệu hộ nông dân với hơn 30 triệu lao động trong độ tuổi. Nhưng mới chỉ có khoảng 17% trong số đó được qua đào tạo chủ yếu thông qua các lớp tập huấn khuyến nông sơ sài. Trong số đó có khoảng 16,5 triệu thanh niên nông thôn đang cần có việc làm ổn định thì chỉ có 12% tốt nghiệp phổ thông trung học, 3,11% có trình độ chuyên môn kỹ thuật từ trung cấp trở lên. Với trình độ như vậy họ khó có thể áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp có ứng dụng công nghệ cao và cũng khó có thể tìm được việc làm ở các doanh nghiệp. Ngay cả khi doanh nghiệp có ưu tiên tuyển lao động trẻ cho các hộ mất đất thì họ cũng khó có thể đảm nhận được công việc chuyển đổi nghề. Tình trạng nguồn nhân lực trình độ thấp chưa được đào tạo nghề, cùng với sự thiếu kiến thức, tác phong sống và tính kỷ luật, kỹ năng lao động trong lao động công nghiệp kém nên

rất khó đáp ứng được yêu cầu ngày càng tăng cao trước tốc độ của CNH – HĐH và hội nhập. Đó là những thách thức đặt ra cho sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội.

Thái Nguyên là một tỉnh có nguồn lao động dồi dào. Thái Nguyên đang tiến nhanh trên con đường CNH – HĐH. Nông thôn Thái Nguyên được sự quan tâm của các cấp uỷ, chính quyền ngày càng đổi mới. Tỉnh thực hiện chủ trương xã hội hoá giáo dục và đào tạo, uỷ ban nhân dân tỉnh đã chủ động triển khai xây dựng và ban hành một số văn bản hướng dẫn tạo cơ chế thuận lợi nhằm khuyến khích phát triển xã hội hoá dạy nghề. Trong những năm qua công tác dạy nghề đã có nhiều cố gắng và đạt được nhiều kết quả đáng kể. Hệ thống các cơ sở dạy nghề trên đại bàn tiếp tục được ổn định và phát triển; quy mô đào tạo và ngành nghề đào tạo tăng nhanh, chất lượng đào tạo nghề từng bước được cải thiện. Tuy nhiên, trước yêu cầu của tình hình đổi mới thì công tác đào tạo nghề của tỉnh Thái Nguyên chưa đáp ứng kịp: trong đó hệ thống tổ chức dạy nghề trang thiết bị, cơ sở vật chất, đầu tư tài chính, đội ngũ giáo viên dạy nghề, đang là những vấn đề tồn tại.

Là một tỉnh đang trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, hiện nay trên địa bàn tỉnh đang hình thành các khu công nghiệp, các vùng kinh tế, tạo ra thị trường sức lao động đa dạng, nhiều nghề mới hình thành và phát triển, điều này đòi hỏi cần một lực lượng lao động có trình độ chuyên môn được đào tạo. Cùng với sự phát triển chung tác động đến nông nghiệp, nông thôn đã làm thay đổi và chuyển dịch lao động nông thôn. Để chuyển được một bộ phận lao động trong nông nghiệp, nông thôn sang các ngành nghề khác, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho con người lao động ở nông thôn là những đòi hỏi của thực tế đặt ra cho công tác dạy nghề. Có thể nói đào tạo nguồn nhân lực nông thôn là một giải pháp tích cực và thật sự cần thiết vì nó góp phần thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

Xuất phát từ tình hình thực tế đó, tôi chọn đề tài “ ***Thực trạng và giải pháp nhằm phát triển công tác dạy nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thái Nguyên***” làm đề tài luận văn Thạc sỹ của mình. Để thấy rõ được thực trạng trong công tác dạy nghề cho lao động nông thôn hiện nay trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và đề xuất một số giải pháp chủ yếu trong công tác dạy nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thái Nguyên.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

### **2.1. Mục tiêu tổng quát**

Đánh giá thực trạng công tác dạy nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong những năm gần đây. Đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển công tác dạy nghề cho lao động nông thôn nhằm đáp ứng với xu hướng CNH-HĐH đất nước.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

\* Hệ thống hoá một số cơ sở lý luận và thực tế về dạy nghề và lao động nông thôn.

\* Đánh giá thực trạng công tác dạy nghề và nhu cầu học nghề của lao động nông thôn tỉnh Thái Nguyên.

\* Đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển công tác dạy nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thái Nguyên.

## **3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Nghiên cứu các vấn đề kinh tế xã hội, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước liên quan đến công tác dạy nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

\* Về không gian:

Đề tài được thực hiện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

\* Về thời gian:

Để phục vụ nghiên cứu đề tài, tác giả tiến hành thu thập số liệu từ năm 2005 đến năm 2009 và số liệu điều tra năm 2008-2010.

\* Về nội dung:

Xung quanh công tác dạy nghề cho lao động nông thôn trên còn nhiều vấn đề cần tiếp cận nghiên cứu. Tuy nhiên do bị hạn chế về thời gian và trình độ nên tác giả chỉ tiến hành nghiên cứu, đánh giá thực trạng và đề xuất một số giải pháp trong công tác dạy nghề cho nguồn lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình nghiên cứu tác giả sẽ tìm hiểu và so sánh công tác dạy nghề cho lao động nông thôn trên một số tỉnh như tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Phú Thọ...Đề tài được chia thành 3 chương, cụ thể như sau:

**CHƯƠNG 1:**

**CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**Chương 2**

**THỰC TRẠNG VỀ CÔNG TÁC DẠY NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG  
THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Chương 3**

**GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC DẠY NGHỀ CHO LAO ĐỘNG  
NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN.**

## CHƯƠNG 1

### CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 1.1. Cơ sở khoa học về dạy nghề và lao động nông thôn

##### 1.1.1. Cơ sở lý luận về dạy nghề và lao động nông thôn

###### 1.1.1.1. Khái niệm về đào tạo và dạy nghề

Giáo dục đào tạo và dạy nghề là lĩnh vực quan trọng nhất trong sự nghiệp phát triển tiềm năng con người theo nhiều nghĩa khác nhau. Kết quả giáo dục và đào tạo làm tăng lực lượng lao động có trình độ, tạo khả năng thúc đẩy nhanh quá trình đổi mới công nghệ. Công nghệ thay đổi càng nhanh càng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và hơn thế nữa vai trò của giáo dục và đào tạo còn được đánh giá tác động của nó đối với việc tăng năng suất lao động mỗi cá nhân do được nâng cao trình độ và tích lũy kiến thức.

Nghiên cứu một số vấn đề cơ bản về dạy nghề cho người lao động, chúng tôi nhận thấy cần tập trung đề cập một số khái niệm và vấn đề cơ bản sau:

Mục tiêu dạy nghề:

Luật giáo dục ban hành năm 1999 ghi rõ: mục tiêu của dạy nghề là đào tạo nguồn lao động có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp phổ thông, công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

Đào tạo là quá trình hoạt động có mục đích, có tổ chức nhằm truyền đạt các kiến thức, kỹ năng và kỹ xảo trong lý thuyết và thực hiện, tạo ra năng lực để thực hiện thành công một hoạt động nghề nghiệp hoặc xã hội cần thiết.

“Đào tạo nghề là những hoạt động nhằm mục đích nâng cao tay nghề hay kỹ năng, kỹ xảo của mỗi cá nhân đối với công việc hiện tại và trong tương lai” [1]

Như vậy đào tạo nghề cho người lao động là giáo dục kỹ thuật sản xuất cho người lao động để họ có thể nắm vững nghề nghiệp, chuyên môn, bao gồm đào tạo mới, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao tay nghề.

Như vậy có thể hiểu “ đào tạo nguồn nhân lực là một quá trình trang bị kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động, để sau khi được đào tạo họ có

thể đảm nhận được một công việc nhất định, đáp ứng với yêu cầu phát triển của tổ chức nói riêng và của xã hội nói chung”[4]

Nghề là một hình thức phân công lao động, nó đòi hỏi kiến thức lý thuyết tổng hợp và thói quen thực hành để hoàn thành những công việc nhất định như nghề mộc, nghề cơ khí....

Lao động được qua đào tạo là lao động được đào tạo để thực hiện nhiệm vụ của một nghề hoặc một chuyên môn nào đó [2]. Cần thấy rằng lao động qua đào tạo nghề là một khái niệm rộng, bao gồm tất cả lao động qua đào tạo tại các cơ sở dạy nghề khác nhau, từ kèm cặp nơi sản xuất đến đào tạo tại các trường đào tạo để nắm được kỹ năng thực hiện một công việc hoặc một số công việc của nghề đó.

#### ***1.1.1.2 .Một số vấn đề cơ bản về dạy nghề***

Dạy nghề được thông qua mạng lưới các cơ sở dạy nghề. Năng lực của các cơ sở dạy nghề được thể hiện thông qua các yếu tố sau:

- Cơ sở vật chất: đây là nhân tố quan trọng không thể thiếu được trong công tác dạy nghề. Cơ sở vật chất của các cơ sở dạy nghề bao gồm phòng học lý thuyết, phòng thực hành, thư viện, nhà ở cho học sinh, khu làm việc cho cán bộ giáo viên dạy nghề. Cơ sở vật chất đạt chuẩn qui định tạo điều kiện làm việc và học tập thuận lợi, góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo.

- Thiết bị và phương tiện dạy học: Trong quá trình đào tạo, thiết bị và phương tiện dạy học có tính quyết định đến kỹ năng, tay nghề của học sinh. Trong chương trình dạy nghề, thời gian thực hành, thực tập chiếm 60% - 70% thời gian đào tạo toàn khoá. Vì vậy, việc đáp ứng đủ thiết bị và phương tiện dạy nghề là rất cần thiết.

- Tài chính: tài chính cho các cơ sở dạy nghề có vị trí hết sức quan trọng, có tính chất quyết định sự tồn tại phát triển của các cơ sở dạy nghề. Tài chính bao gồm các khoản chi cho việc đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, chi phí công tác quản lý, tiền lương và các hoạt động khác của trường. Có thể nói đào tạo nghề là hình thức đào tạo tốn kém nên rất cần sự đầu tư đúng mức của chính phủ và được sự hỗ trợ kinh phí từ các nguồn.

- Tổ chức quản lý: Các cơ sở dạy nghề chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của cơ quan cấp trên về tổ chức bộ máy hoạt động, chất lượng đào tạo ..., và chịu sự quản lý Nhà nước về đào tạo nghề; chế độ chính sách đối với giáo viên, học sinh, chương trình đào tạo, văn bằng chứng chỉ....

- Đội ngũ giáo viên: giáo viên giảng dạy ở các cơ sở dạy nghề là người trực tiếp hướng dẫn, giảng dạy lý thuyết và thực hành cho học sinh. Chất lượng giáo viên đòi hỏi phải đạt chuẩn theo quy định của pháp luật. Đội ngũ giáo viên là nhân tố quyết định chất lượng của đào tạo nghề. Việc thực hiện tiêu chuẩn hoá đội ngũ giáo viên kết hợp với không ngừng nâng cao trình độ giáo viên cả về chuyên môn, ngoại ngữ .... để những kiến thức chuyên môn của thầy chuyển tải cho học sinh phù hợp với yêu cầu thực tế, học sinh ra trường có thể thực hiện ngay được công việc theo ngành nghề đào tạo.

- Nội dung chương trình và hình thức dạy nghề: Nội dung dạy nghề phải tập trung vào đào tạo năng lực nghề nghiệp, đảm bảo tính thiết thực và hiện đại, phù hợp với kỹ thuật và công nghệ. Bên cạnh đó, nội dung và phương pháp dạy nghề phải phát huy tính tích cực, tự chủ và tư duy sáng tạo của học sinh, kết hợp dạy kiến thức chuyên môn kỹ thuật với rèn luyện kỹ năng thực hành, đảm bảo sau khi tốt nghiệp có khả năng hành nghề. Các nội dung chương trình dạy nghề phải được đổi mới theo hướng sát với thực tế sản xuất, vừa tiếp cận với trình độ tiên tiến về kỹ thuật công nghệ đồng thời có tính liên thông giữa các trình độ đào tạo nghề.

Hình thức dạy nghề là phương thức được sử dụng trong công tác dạy nghề. Các hình thức dạy nghề được thể hiện theo nhiều tiêu thức khác nhau:

- Nếu phân theo thời gian: có hình thức dạy nghề dài hạn, hình thức dạy nghề ngắn hạn.

- Nếu phân theo hình thức đào tạo: có hình thức đào tạo tập trung, hình thức đào tạo không tập trung.

- Nếu phân theo nguồn kinh phí: có hình thức dạy nghề trợ cấp toàn bộ, hình thức dạy nghề trợ cấp một phần, hình thức phải đóng góp 100% kinh phí.

- Nếu phân theo hình thức tổ chức: có hình thức dạy nghề tại cơ sở sản xuất, dạy nghề lưu động đến các địa bàn, liên kết đào tạo, kết hợp cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp, với các ngành.

Hình thức dạy nghề có thể được phân theo rất nhiều tiêu thức, mỗi tiêu thức khác nhau cho ta những hình thức dạy nghề khác nhau. Tuy nhiên, trong mỗi hình thức dạy nghề này có thể chứa đựng một số nội dung của những hình thức dạy nghề khác. Song song với nội dung đào tạo, các hình thức đào tạo phải đa dạng, linh hoạt về thời gian và trình độ, địa điểm để đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học.

Phát triển các hình thức dạy nghề là việc mở rộng triển khai các hình thức dạy nghề cho phù hợp với các điều kiện cụ thể của mỗi địa phương, mỗi vùng, trong giai đoạn hay trong từng giai đoạn cụ thể.

### ***1.1.1.3. Khái niệm về nông thôn***

Cho đến nay, chưa có một định nghĩa chuẩn xác được chấp nhận một cách rộng rãi về nông thôn. Khi nói về nông thôn, thường thì người ta hay so sánh nông thôn với thành thị. Có ý kiến cho rằng có thể dùng chỉ tiêu dân số, mật độ dân cư để phân biệt nông thôn với thành thị. Có ý kiến đưa ra nên dùng chỉ tiêu trình độ kết cấu hạ tầng, chỉ tiêu phát triển hàng hoá, lại có ý kiến cho rằng nông thôn là vùng mà ở đây chủ yếu làm nông nghiệp. Tất cả những ý kiến trên đều đúng nhưng chưa đủ. Nếu dùng những chỉ tiêu riêng lẻ thì chỉ thể hiện được từng mặt của nông thôn nhưng chưa thể bao trùm được khái niệm vùng nông thôn một cách đầy đủ.

Nông thôn và thành thị là những vùng lãnh thổ có những nét nổi bật cơ bản ở chỗ cả hai không có một ranh giới rõ rệt, nhưng cả hai đều có một mối liên hệ khăng khít với nhau. Các khu nông thôn luôn gắn liền với một trung tâm của nó - đó là những vùng đô thị.

Nông thôn là vùng khác với đô thị là ở đó có một cộng đồng chủ yếu là nông dân, làm nghề chính là nông nghiệp; có mật độ dân cư thấp hơn; có kết cấu hạ tầng kém phát triển hơn; có mức độ phúc lợi xã hội thua kém hơn; có trình độ dân trí, trình độ tiếp cận thị trường và sản xuất hàng hoá thấp hơn.[3]



Nông thôn có một số đặc trưng:

- Nông thôn phải gắn chặt với một nghề lao động xã hội truyền thống, đặc trưng và nổi bật là hoạt động sản xuất nông nghiệp.
- Nông thôn bao gồm những tụ điểm quần cư (làng, bản, buôn, ấp ....) thường có quy mô nhỏ về mặt số lượng.
- So với đô thị thì nông thôn là vùng có kết cấu hạ tầng chậm phát triển hơn, mức độ phúc lợi xã hội thua kém hơn; trình độ sản xuất hàng hoá và tiếp cận thị trường thấp hơn.
- Nông thôn có thu nhập thấp và đời sống thấp hơn, trình độ văn hoá, khoa học công nghệ thấp hơn đô thị.
- Nông thôn có mật độ dân cư thấp nhưng giàu tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên như đất đai, nguồn nước, khí hậu, rừng, biển ....
- Xã hội nông thôn rất đa dạng về điều kiện kinh tế xã hội, đa dạng về trình độ tổ chức quản lý, đa dạng về quy mô và mức độ phát triển.

#### ***1.1.1.4. Khái niệm cơ bản về lao động***

Theo thuật ngữ trong lĩnh vực lao động của Bộ lao động – Thương binh xã hội, “Nguồn nhân lực các tiềm năng về lao động trong một thời kỳ nhất định của một quốc gia, suy rộng ra có thể được xác định trên một địa phương một ngành hay một vùng. Đây là nguồn lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế – xã hội” [8]

Khi nói đến nguồn nhân lực chính là nói đến sức mạnh trí tuệ, tay nghề, đặc biệt là trong cơ chế thị trường vấn đề đặt ra là phải đào tạo được nguồn nhân lực theo kịp đón đầu, vừa là đại trà vừa là mũi nhọn đỉnh cao đáp ứng được nền sản xuất hàng hoá nhiều thành phần, đủ sức kịp thời thích ứng thị trường lao động, thị trường chất xám, nhất là sức lao động có hàm lượng trí tuệ cao. Không những thế muốn nguồn nhân lực đáp ứng được sự nghiệp CNH-HĐH chúng ta phải đào tạo nên những “con người phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức, là động lực của sự nghiệp xây dựng” [9]

Nguồn nhân lực là bộ phận dân số trong độ tuổi lao động theo quy định của pháp luật, có khả năng, có nguyện vọng tham gia lao động và những người ngoài (trên) độ tuổi đang làm việc trong ngành kinh tế quốc dân. [3]

Việc quy định độ tuổi lao động trong luật lao động là khác nhau giữa các nước, các thời kỳ, do trình độ và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội. Ở Việt Nam, theo luật lao động (2002), tuổi lao động của nam từ 15 đến 60; tuổi lao động của nữ từ 15 đến 55. Nguồn nhân lực được xét cả về số lượng và chất lượng.

\* Theo định nghĩa trên, số lượng nhân lực gồm:

- Số người từ 15 tuổi trở nên có việc làm.
- Số người trong độ tuổi có khả năng lao động nhưng đang đi học, muốn làm việc nhưng đang thất nghiệp, đang làm việc nhà và những người thuộc các tình trạng khác (bao gồm cả những người nghỉ hưu trước tuổi quy định).

- Số lượng nguồn lao động phụ thuộc vào các nhân tố:

+ Quy mô dân số

+ Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động

\* Chất lượng nguồn nhân lực được đánh giá qua 3 yếu tố:

+ Mặt bằng giáo dục

+ Mặt bằng y tế, chăm sóc sức khoẻ

+ Tác phong, tính kỷ luật của nhân lực

#### ***1.1.1.5. Vai trò của lao động***

\* Nguồn lao động là yếu tố hàng đầu quyết định sự phát triển của kinh tế.

Trong các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, lao động là yếu tố quan trọng nhất. Bằng công cụ lao động, con người tác động vào tự nhiên để tạo ra của cải vật chất cho xã hội, nuôi sống bản thân và gia đình. Trong quá trình lao động, người lao động không ngừng tìm tòi suy nghĩ, năng động sáng tạo, sáng chế ra những tư liệu lao động cho năng suất cao. Qua trình đó thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, đồng thời tạo ra nhiều của cải vật chất trong xã hội làm cho nền kinh tế phát triển.

\* Nguồn lao động là chủ thể sáng tạo, đổi mới và hoàn thiện phát triển kinh tế – xã hội.